

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 118/2018/HS-ST

Ngày: 25/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Hà Hữu Bình và bà Nguyễn Thị Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-HS ngày 11/10/2018, đối với bị cáo:

Lê Đức M, sinh ngày 06/01/1964 tại Phú Thọ.

Nơi cư trú: Tổ 32, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn 10/10; chức vụ: Nguyên Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên DVMT và QLĐT TQ; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 243-QĐ/UBKTTU ngày 31/8/2018); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang S và bà Sử Thị G (đều đã chết); có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1964 và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ.

Địa chỉ: Số 89, đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị, uỷ quyền cho ông Nguyễn Ngọc Th, Phó Giám đốc tham gia tố tụng tại phiên tòa (theo Giấy uỷ quyền số 01/UQ-CT ngày 17/10/2018). Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 16, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bà Đào Mai Tr, sinh năm 1986; trú tại: tổ 16, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Bà Tạ Thị Thanh Th1, sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 21, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
5. Ông Đỗ Đăng T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn S, xã An T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; trú tại: tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
7. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1952; trú tại: Tổ 26, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
8. Bà Nguyễn Thanh Th3, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
9. Bà Ma Hoài Th4, sinh năm 1995; trú tại: xóm 22, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
10. Bà Phạm Thu H1, sinh năm 1983; trú tại: xóm 5, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
11. Ông Đặng Đình Th5, sinh năm 1979; trú tại: tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
12. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; trú tại: Xóm V, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
13. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990; trú tại: tổ 22, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
14. Ông Ngô Xuân C, sinh năm 1965; trú tại: Tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
15. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1983; trú tại: tổ 25, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.
16. Ông Tống Văn B, sinh năm 1980; trú tại: tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Đức M được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ (nay là Công ty cổ phần DVMT và QLĐT TQ) kể từ ngày 16/4/2010 theo Quyết định bổ nhiệm số 435/QĐ-CT, ngày 16/4/2010. Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao kể từ ngày được bổ nhiệm đến tháng 4 năm 2014, bị cáo đã có một số hành vi vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng, cụ thể như sau:

Ngày 01/01/2013, Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ (gọi tắt là Công ty MTĐT TQ) ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT với Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giao nhận thầu các sản phẩm dịch vụ công cộng năm 2013 trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, trong đó có công việc nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hố ga. Quá trình thực hiện hợp đồng đến cuối tháng 12/2013, sau khi được cán bộ báo cáo về kết quả nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hố ga đã thực hiện theo hợp đồng thì khối lượng bùn mương, cống ngầm, hố ga vẫn chưa thực hiện hết theo hợp đồng, bị cáo Lê Đức M đã chỉ

đạo bà Vũ Thị Kim D – Đội trưởng Đội MT lập hồ sơ thuê nhân công nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hồ ga trên địa bàn thành phố T không đúng thực tế để làm thủ tục thanh quyết toán hết khối lượng bùn mương, cống ngầm, hồ ga theo hợp đồng với UBND thành phố T để rút tiền đưa cho bị cáo sử dụng vào công việc của Công ty. Mặc dù biết chỉ đạo của bị cáo là không đúng quy định, nhưng do là cán bộ cấp dưới, mặt khác bị cáo nói lấy tiền để giải quyết công việc cho Công ty nên bà D đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo bằng cách mượn Giấy chứng minh nhân dân của một số người, sau đó nhờ bà Đào Mai Tr là cán bộ của Đội MT đánh máy vi tính, thiết lập 06 (sáu) bộ hồ sơ, hợp đồng thuê nhân công nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hồ ga trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang với 6 nhóm người lao động do 06 người đại diện ký Hợp đồng khoán việc là:

1. Chị Nguyễn Thanh Th3, trú tại tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đại diện cho nhóm người lao động gồm có 14 người ký Hợp đồng khoán việc số 43/HĐKV ngày 01/11/2013, khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $35,2\text{m}^3$ bằng $220,5 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 26.460.000$ đồng.

2. Chị Ma Hoài Th4, trú tại xóm 22, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đại diện cho nhóm người lao động gồm có 15 người ký Hợp đồng khoán việc số 44/HĐKV ngày 01/11/2013, tổng khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $35,2\text{m}^3$ bằng $243,5 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 29.220.000$ đồng.

3. Chị Phạm Thu H1, trú tại xóm 5, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đại diện cho nhóm người lao động gồm có 11 người ký Hợp đồng khoán việc số 46/HĐKV ngày 01/12/2013, tổng khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $35,2\text{m}^3$ bằng $175 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 21.000.000$ đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Ng, trú tại tổ 22, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đại diện cho nhóm người lao động gồm có 12 người ký Hợp đồng khoán việc số 48/HĐKV ngày 01/12/2013, tổng khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $39,3\text{m}^3$ bằng $186 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 22.320.000$ đồng.

5. Chị Nguyễn Thị H2, trú tại xóm V, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đại diện cho nhóm người lao động gồm có 12 người ký Hợp đồng khoán việc số 49/HĐKV ngày 01/12/2013, tổng khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $35,9\text{m}^3$ bằng $173 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 20.760.000$ đồng.

6. Anh Đặng Đình Th5, trú tại tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đại diện cho nhóm người lao động gồm có 10 người ký Hợp đồng khoán việc số 50/HĐKT ngày 01/12/2013, tổng khối lượng công việc giao nhận khoán nạo vét bùn cống ngầm, hồ ga đã thực hiện là $36,8\text{m}^3$ bằng $155,5 \text{ công} \times 120.000\text{đ}/\text{công} = 18.660.000$ đồng.

Sau khi hoàn thiện xong 06 bộ hồ sơ, hợp đồng nêu trên, bà D đưa cho bà Đào Mai Tr cầm đến phòng Kế toán tài vụ của Công ty để làm thủ tục thanh quyết toán, nhận tổng số tiền là 138.420.000đ (*một trăm ba mươi tám triệu, bốn*

trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Nhận được số tiền này, bà Tr đã giao lại hết cho bà D và bà D đã sử dụng số tiền 21.360.000đ (hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) để trả cho bà Nguyễn Thị Th2 là người được bà D thuê nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hố ga trên địa bàn thành phố T từ cuối tháng 11/2013 đến tháng 12/2013 cho Công ty DVMT và QLĐT TQ, số tiền còn lại 117.060.000đ (một trăm mười bảy triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) bà D đưa hết cho bị cáo sử dụng.

Sau khi nhận của bà D số tiền 117.060.000 đồng, bị cáo Lê Đức M đã sử dụng hết số tiền này vào việc thanh toán tiền mua 08 (tám) bộ bóng đèn chiếu sáng và vật tư để lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng tại sân quần vợt (sân Tennis) thành phố T.

Kết quả điều tra, xác minh đối với 6 nhóm người lao động có tên trong 06 hợp đồng kinh tế số 43, 44, 46, 48, 49, 50/HĐKV ngày 01/12/2013 do bà D và bà Tr lập đều xác định từ trước đến nay không được tham gia làm bất kể công việc gì cho Công ty MTĐT TQ;

Xác minh tại Câu lạc bộ tennis thành phố T về việc lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng tại sân quần vợt (sân Tennis) thành phố T thì sân tennis trên được Ủy ban nhân dân huyện Y bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố T vào ngày 24/5/2012, do công trình sân Tennis được xây dựng bằng nguồn vốn xã hội hoá nên Ủy ban nhân dân thành phố T đã giao cho Câu lạc bộ tennis thành phố T quản lý, sử dụng từ tháng 7 năm 2012 đến nay (Câu lạc bộ tennis thành phố được thành lập trên cơ sở những người tham gia chơi tennis và không thuộc quản lý của cơ quan, tổ chức nào, không có trụ sở và con dấu riêng, hoạt động hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện của các thành viên). Khoảng đầu năm 2013, công nhân của Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ có đến sửa chữa, thay thế các bóng đèn cao áp, chiếu sáng của sân tennis, cụ thể việc thay thế như thế nào thì Câu lạc bộ không nhớ rõ; toàn bộ bóng đèn và vật tư của sân tennis do Cổ phần DVMT và QLĐT TQ thay thế đến nay đã hỏng không còn nữa. Hiện nay, hệ thống đèn chiếu sáng của sân tennis không phải là hệ thống đèn điện chiếu sáng do Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ lắp đặt từ năm 2013. Do việc lắp đặt, thay thế hệ thống đèn điện chiếu sáng sân tennis không có hồ sơ thiết kế, không có chứng từ mua bán vật tư cụ thể do đó Câu lạc bộ tennis không lưu giữ, không có tài liệu, chứng từ nào liên quan đến việc thay thế, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng của sân tennis từ năm 2013 đến nay.

Tại Kết luận giám định ngày 06/02/2018 của Giám định viên Tư pháp lĩnh vực Tài chính – Kế toán Sở Tài chính Tuyên Quang xác định:

Việc ông Lê Đức M chỉ đạo cán bộ công ty lập hồ sơ, chứng từ không, không đúng thực tế nạo vét, vận chuyển bùn cống, hố ga trên địa bàn thành phố Tuyên Quang để rút số tiền 138.420.000 đồng của Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ đã vi phạm:

- Khoản 1, khoản 2 Điều 14 và Khoản 1, khoản 3 Điều 20 Luật Kế toán: “1. Giả mạo, khai man, thoả thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xoá tài liệu kế toán. 2. Cố ý, thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật”; “1. Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký; 3. Chứng từ kế toán chi tiền phải do người có thẩm quyền ký duyệt chi

và kế toán trưởng hoặc người được uỷ quyền ký trước khi thực hiện. Chữ ký trên chứng từ kế toán dùng để chi tiền phải ký theo từng liên”.

- Vi phạm khoản 9 Điều 72 của Luật ngân sách nhà nước: “9. *Quản lý hoá đơn, chứng từ sai chế độ; mua bán, sửa chữa, làm giả hoá đơn, chứng từ; sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp*”.

- Vi phạm khoản 1 Điều 58 của Luật ngân sách nhà nước: “1. *Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước theo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao*”.

- Vi phạm Điều 34 của Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Nếu ông Lê Đức M chỉ đạo cán bộ công ty lập hợp đồng thuê nhân công không đúng thực tế nạo vét, vận chuyển bùn công, hồ ga trên địa bàn thành phố để rút số tiền 138.420.000 đồng của Công ty TNHH Một thành viên DVMT và QLĐT TQ, trong đó chỉ sử dụng để chi trả tiền thuê nhân công thực tế là 21.360.000 đồng, sẽ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền sai phạm là 117.060.000 đồng, do công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi phục vụ công cộng năm 2013.

Nếu ông Lê Đức M dùng số tiền 117.060.000 đồng để sử dụng vào việc khác không đúng quy định của Nhà nước, đã vi phạm: Khoản 1 Điều 58 của Luật ngân sách nhà nước: “*Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước theo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao*”; Vi phạm khoản 5 Điều 72 của Luật ngân sách nhà nước: “5. *Chi sai chế độ, không đúng mục đích, không đúng dự toán ngân sách được giao*”.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi có kết luận thanh tra số 03/KL-TTr ngày 25/01/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang về việc quản lý, sử dụng vốn và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước tại Công ty cổ phần DVMT và QLĐT TQ, bị cáo Lê Đức M đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền quyết toán sai quy định là 138.420.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn) tại Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29/3/2016), theo quyết định về việc thu hồi tiền số 24/QĐ – TTr ngày 26/02/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang và hiện số tiền này đã được chuyển vào ngân sách nhà nước theo quyết định số 136/QĐ-TTr ngày 22/11/2016 của Chánh Thanh Tra tỉnh Tuyên Quang.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-TP ngày 28 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê Đức M về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Đức M về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đức M từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; xử lý tài liệu thu giữ; kiến nghị với Thanh tra tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục thoái chi để trả lại cho bị cáo Lê Đức M số tiền 21.360.000 đồng mà bị cáo đã nộp trong giai đoạn thanh tra; tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Đức M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định ngày 06/02/2018 của Giám định viên Tư pháp lĩnh vực Tài chính – Kế toán Sở Tài chính Tuyên Quang; bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Về khoản tiền 138.420.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp theo quyết định của Chánh Thanh Tra tỉnh Tuyên Quang, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn lại cho bị cáo 21.360.000 đồng vì thực tế khoản tiền này bị cáo không được sử dụng.

Bị hại Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ (do ông Nguyễn Ngọc Th là đại diện uỷ quyền) xác định khoản tiền 117. 060.000 đồng là khoản tiền được rút ra do việc ông M nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chỉ đạo nhân viên lập chứng từ không đúng thực tế khi làm thủ tục thanh quyết toán hết khối lượng bún nương, cống ngầm, hố ga theo hợp đồng với UBND thành phố T, sau đó ông M đã sử dụng sai mục đích và hiện ông M đã tự giác nộp vào ngân sách Nhà nước nên Công ty không có ý kiến gì. Đối với khoản tiền 21.360.000 đồng nằm trong tổng số tiền 138.420.000 đồng được rút ra do sử dụng chứng từ không đúng thực tế nhưng do bà Vũ Thị Kim D - Đội trưởng đội MT đã sử dụng để trả cho nhân công được Công ty thuê nạo vét, vận chuyển bún nương, cống ngầm, hố ga vì vậy ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về hình phạt, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo có nhiều công hiến cho Công ty trong quá trình công tác.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Lê Đức M nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức M tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng, vật chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cuối tháng 12/2013, bị cáo Lê Đức M, nguyên là Giám đốc Công ty cổ phần DVMT và QLĐT TQ giai đoạn từ tháng 5/2010 đến tháng 4/2014, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo Vũ Thị Kim D - Đội trưởng Đội MT lập hồ sơ thuê nhân công không đúng thực tế nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hồ ga trên địa bàn thành phố T để rút số tiền 138.420.000đ (*một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*), trong đó số tiền chi trả thuê nhân công thực tế là 21.360.000đ (*hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) và sử dụng 117.060.000đ (*một trăm mười bảy triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) vào việc mua 08 bộ bóng đèn chiếu sáng và vật tư để lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng tại sân quần vợt (sân Tennis) do Câu lạc bộ tennis thành phố quản lý. Việc lắp đặt, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng nêu trên không thuộc công trình, dự án nào do Công ty cổ phần DVMT và QLĐT TQ thi công, xây dựng cũng không phải công trình phúc lợi công cộng.

Hành vi của Lê Đức M đã vi phạm Luật ngân sách nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 117.060.000 đồng do Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi phục vụ công cộng năm 2013.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện dưới lỗi cố ý; hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kế toán, gây thiệt hại cho tài sản nhà nước đồng thời ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả; bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo có thành tích trong quá trình công tác được Ban chấp hành Trung ương tổng Hội xây dựng Việt Nam, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang, Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen; bố đẻ bị cáo là ông Lê Quang S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; mẹ đẻ bị cáo là bà Sử Thị G được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kế toán, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt (chưa bị kết án hay xử lý vi phạm hành chính); có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 221 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm một công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; trước khi bị khởi tố bị cáo đã bị thi hành kỷ luật về Đảng bằng hình thức cách chức Phó bí thư Chi bộ, do vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi bị khởi tố, điều tra bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền gây thiệt hại và số tiền quyết toán sai quy định là 138.420.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) tại Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29/3/2016, theo quyết định về việc thu hồi tiền số 24/QĐ – TTr ngày 26/02/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang và hiện số tiền này đã được chuyển vào ngân sách nhà nước theo quyết định số 136/QĐ-TTr ngày 22/11/2016 của Chánh Thanh Tra tỉnh Tuyên Quang. Tại phiên toà bị cáo không có ý kiến gì về khoản tiền 117.060.000 đồng mà bị cáo đã trực tiếp nhận từ bà Vũ Thị Kim D và đã chi tiêu không đúng mục đích, hiện không có khả năng thu hồi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Đối với các hành vi sai phạm khác của bị cáo trong việc quản lý sử dụng vốn và thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên DVMT và QLĐT TQ như thanh toán không đúng thực tế một số Hợp đồng kinh tế nhằm lấy tiền để thanh toán các hạng mục công trình khác. Hành vi này của bị cáo M và những người liên quan đã vi phạm Luật Kế toán và Luật Ngân sách nhưng do trên thực tế bị cáo M đã sử dụng số tiền này để thanh toán cho các công trình phục vụ lợi ích công cộng do Công ty MTĐT TQ thực hiện trong khi chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán, quyết toán bao gồm: Công trình xử lý ô nhiễm bãi rác N, thành phố T; công trình lắp đặt đèn led trang trí tại nút giao đường Quốc lộ 37 và đường tránh thành phố T; công trình đảo hoa trước cổng Trung tâm hội nghị tỉnh; công trình lắp đặt mô hình quả cầu led tại ngã ba Km7 đường Tuyên Quang - Hà Nội. Thực tế các công trình trên đang tồn tại và hoạt động bình thường, bị cáo không chiếm đoạt khoản tiền nào trong số tiền trên. Vì vậy, hành vi sai phạm của bị cáo và những người liên quan nêu trên đã vi phạm Luật kế toán nhưng không gây hậu quả nghiêm trọng. Sau khi có kết luận thanh

tra số 03/KLTr ngày 25/01/2016 của Thanh tra tỉnh Tuyên Quang về việc quản lý, sử dụng vốn và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước tại Công ty cổ phần DVMT và QLĐT TQ, bị cáo M đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền quyết toán sai quy định nêu trên vào ngân sách nhà nước. Hành vi của bị cáo M và những người liên quan chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết, bị cáo và những người liên quan đã bị xem xét xử lý kỷ luật với các hình thức phù hợp, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với hành vi của Vũ Thị Kim D - Đội trưởng Đội MT, là người được bị cáo Lê Đức M trực tiếp chỉ đạo thực hiện lập hồ sơ thuê nhân công nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống, hồ ga không đúng thực tế để làm thủ tục thanh toán, rút số tiền 117.060.000đ đưa cho bị cáo sử dụng trái quy định; Đào Mai Tr - Cán bộ phòng Kế hoạch, nguyên là cán bộ Đội MT được D nhờ đánh máy, thiết lập 06 bộ hợp đồng thuê nhân công không, không đúng thực tế và trực tiếp nhận số tiền 138.420.000đ từ thủ quỹ sau đó đưa cho D; Tạ Thị Thanh Th1 - Phó trưởng Phòng kế toán là người kiểm soát chứng từ đã đồng ý cho thanh toán và viết phiếu chi tiền ghi lùi lại thời gian “tháng 01/2014 lùi lại ngày 31/12/2013”, viết phiếu chi không liên hoàn khi chi tiền cho Tr thanh toán tiền nhân công đối với 6 bộ hồ sơ thuê nhân công nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống, hồ ga do D lập; Nguyễn Thị Thanh H - Thủ quỹ đã có hành vi không chi tiền cho người có tên nhận tiền ghi trên phiếu chi mà lại giao tiền cho Đào Mai Tr và đưa phiếu chi cho Tr đi lấy chữ ký của những người có tên nhận tiền ghi trên phiếu chi; Đỗ Đăng T - Trưởng phòng Kế hoạch (nay là Trưởng phòng Kiểm tra) và Trần Thị T - Kế toán viên phòng Kế toán tài vụ là những người tuy không được đi nghiệm thu thực tế nhưng vẫn ký vào biên bản nghiệm thu khối lượng bùn mương, cống ngầm, hồ ga được nạo vét, vận chuyển theo 06 hợp đồng thuê nhân công do Vũ Thị Kim D lập (các đối tượng này đều công tác tại Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ).

Hành vi của các đối tượng nêu trên đã vi phạm Luật Kế toán, tuy nhiên khi thực hiện hành vi này các đối tượng đều không có động cơ vụ lợi và không được hưởng lợi gì từ việc làm của mình; các đối tượng đều đã bị Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ xử lý kỷ luật với các hình thức khác nhau tùy mức độ vi phạm, xét thấy chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra không tiến hành khởi tố, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Đối với 06 (sáu) bộ hồ sơ thuê nhân công không đúng thực tế nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hồ ga trên địa bàn thành phố T được thu giữ theo Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 36/QĐ-CSKT ngày 01/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang (thứ tự từ mục 1 đến mục 6) là tài liệu không có giá trị sử dụng trong hoạt động của Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ nhưng là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử thu giữ để lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với các tài liệu còn lại được thu giữ theo Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 36/QĐ-CSKT ngày 01/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an

tỉnh Tuyên Quang (thứ tự từ mục 7 đến mục 14) là tài liệu không liên quan đến vụ án. Tại phiên toà, đại diện Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ đề nghị trả lại vì liên quan đến các khoản tiền hiện Công ty chưa được thanh quyết toán. Xét thấy, đề nghị của Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 21.360.000 đồng mà Vũ Thị Kim D - Đội trưởng Đội MT, Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ sử dụng để chi trả tiền thuê nhân công thực tế (trong tổng số 138.420.000 đồng được quyết toán không đúng thực tế) bị cáo Lê Đức M cho rằng đây là số tiền Vũ Thị Kim D đã thực chi đúng mục đích, bị cáo không được sử dụng nên đề nghị được hoàn trả lại. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của bị cáo là hợp lý, tuy nhiên do khoản tiền này được thu nộp trong quá trình thanh tra việc quản lý, sử dụng vốn và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quyết định số 119/QĐ-TTr ngày 24/8/2015 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang và đã được chuyển vào Ngân sách nhà nước trước khi bị cáo bị khởi tố, điều tra; không được chuyển theo hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử không thể tuyên trả cho bị cáo mà chỉ kiến nghị với Thanh tra Nhà nước làm các thủ tục thoái chi để trả lại cho bị cáo.

[10] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 221; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức M phạm tội "*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*".

Xử phạt bị cáo Lê Đức M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/10/2018.

Giao bị cáo Lê Đức M cho Ủy ban nhân dân phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để lưu hồ sơ vụ án 06 (sáu) bộ hồ sơ thuê nhân công không đúng thực tế nạo vét, vận chuyển bùn mương, cống ngầm, hố ga trên địa bàn thành phố Tuyên Quang tháng 11 và tháng 12 năm 2013 để thanh, quyết toán số tiền 138.420.000 đồng.

(Những tài liệu trong các bộ hồ sơ trên được thể hiện tại Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 36/QĐ-CSKT ngày 01/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang từ mục 1 đến mục 6).

- Trả lại cho Công ty Cổ phần DVMT và QLĐT TQ các tài liệu đã thu giữ gồm: Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng lao động số 04, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Hà Văn H; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng lao động số 03, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Phạm Ngọc Kh; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng lao động số 01, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Phạm Văn B; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng lao động số 05, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Nguyễn Thanh L; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng lao động số 02, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Lù Dân D; Hồ sơ quyết toán tiền thuê xe cẩu theo Hợp đồng lao động số 20/HĐXD, ngày 03/5/2010 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với Doanh nghiệp tư nhân N; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng kinh tế số 16/20143/HĐKT, ngày 06/7/2013 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Trần Trung Đ; Hồ sơ quyết toán tiền nhân công theo Hợp đồng giao khoán số 05/HĐGK, ngày 15/10/2013 giữa Công ty TNHH một thành viên DVMT và QLĐT TQ với ông Bế Văn P.

(Những tài liệu trong các bộ hồ sơ trên được thể hiện tại Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 36/QĐ-CSKT ngày 01/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang từ mục 7 đến mục 14).

- Kiến nghị Thanh tra tỉnh Tuyên Quang làm các thủ tục thoái chi để trả lại cho bị cáo Lê Đức M số tiền 21.360.000đ (hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn) mà bị cáo đã nộp tại Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29/3/2016, theo quyết định về việc thu hồi tiền số 24/QĐ-TTr ngày 26/02/2016 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang, hiện đã được chuyển vào ngân sách nhà nước theo quyết định số 136/QĐ-TTr ngày 22/11/2016 của Chánh Thanh Tra tỉnh Tuyên Quang.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Đức M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tân

Lê Thị Thảo

Nguyễn Tuấn Vinh

